

Bản án số: 33/2023/DSPT

Ngày: 03 - 7 - 2023

V/ v Tranh chấp lỗi đi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

Bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Lê ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 6 năm 2023 và ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp lỗi đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐ - PT ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại xóm Hòa Bình 2, xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963. Có mặt.

Trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho chị G: Bà Hoàng Thị H, Văn phòng L1, đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; (Vợ ông P). Có mặt.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Anh Hà Văn T, sinh năm 1983(Anh T ủy quyền cho chị G).

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973.

Trú tại: A đường A ấp A, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt ngày 28/6/2023, vắng mặt ngày 03/7/2023.

4.2. UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Năm 2014 gia đình chị nhận chuyển nhượng thửa đất số 1471 diện tích 300m đất ở, thửa 1471a diện tích 546m đất vườn, thửa 500 diện tích 280m đất thủy sản, của ông Nguyễn Văn C thuộc xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đi vào các thửa đất trên có đường ngõ đi từ đường liên xóm vào đất chị mua của ông C. Sau khi nhận chuyển nhượng, chị đã làm thủ tục sang tên và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 03125 ngày 23/01/2015. Sau khi nhận chuyển nhượng đến cuối năm 2014, gia đình chị đã chuyển về ở trên mảnh đất này, thửa đất chị mua của ông C nằm phía bên trong đất của ông Nguyễn Văn P (anh trai ruột ông C), khi mua và chuyển về gia đình chị vẫn đi chung con đường (ngõ) ra trục đường chính của xóm.

Quá trình mua đất ông C có chỉ thực địa đường đi, ranh giới cho gia đình chị và có nói với chị: Trước có con đường đi cũ là đường đi chính vào nhà ông C, nhưng ông P và ông C thống nhất chuyển đường sang phía Đ, còn đường đi cũ để cho ông Phan x công trình phụ, nên đường đi của gia đình chị và gia đình ông Phan đ chung, đi thẳng rộng 3 mét, ngoài ra không có con đường nào khác. Chị xác định gia đình chị đi bằng con đường thẳng này từ năm 2014 đến năm 2017, đến tháng 02/2017, ông P, bà L không cho chị đi con đường đó nữa, ông nói “Đường nhà tao, tao cho mày đi đâu thì được đấy, đi hay không là quyền của tao, mua nhà là không có đường đi, bán nhà chứ không bán đường, thằng Cửu phải đi nhờ qua đất nhà tao”, sự việc xảy ra, chị đã gọi điện cho ông C thì ông C trả lời: “Gia đình cháu cứ đi đường thẳng, nhà ông P không có quyền phá cổng của gia đình cháu, đi hay không là quyền của gia đình cháu, ông P phải trả đường cho gia đình cháu chứ gia đình cháu không phải xin”. Sau khi ông P không cho gia đình chị đi con đường chung, ông đã xây một hàng gạch cay ra giữa đường và xếp gạch cay chặn ngang đường không cho gia đình chị đi và từ đó đến nay gia đình chị không có lối đi, phải đi nhờ qua nhà bố mẹ đẻ, nên chị đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xem xét, giải quyết buộc gia đình ông Phan p tháo dỡ công trình phụ, bép trả lại con đường đi cũ đã được thể hiện trên bản đồ địa chính của xã T để gia đình chị sớm có đường đi lại.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L khai: Ông cha ông để lại cho anh em ông hai phần đất của ông và em ông là Nguyễn Văn C. Để thuận tiện cho việc chăn nuôi, công trình phụ của gia đình ông bà được xây dựng từ năm 1986, trên lối đi cũ đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà; năm 2001, em trai ông mới xây dựng nhà và đi qua nhờ đất nhà ông bà; năm 2015 em trai ông có bán đất cho chị G, trong quá trình làm thủ tục mua bán đất có trưởng thôn là ông Nguyễn Xuân N đứng ra làm chứng việc mua bán cho hai bên. Trong quá trình mua bán và các giấy tờ liên

quan, nội dung chỉ mua đất mua nhà, không có nội dung lối đi và đi ở hướng nào. Sau khi hai bên mua bán xong, gia đình ông bà có tạo điều kiện lấp ao ke bờ trên đất nhà ông bà, để mở lối đi cho nhà chị G. Năm 2019, chị G không chịu đi lối đi đó mà đòi đi giữa đất của nhà ông bà. Thực tế con đường đi mà gia đình ông bà tạo ra cho chị G, nằm trong diện tích đất của gia đình ông bà, sau đó chị G vẫn đòi đi chung cổng với gia đình ông bà, mà không đi lối đi của gia đình ông bà tạo ra; chị G không đồng ý đi con đường mà gia đình ông bà đã cho, nên làm đơn kiện gia đình ông bà lên Ủy ban nhân dân xã T, huyện P để đòi đi chung cổng với nhà ông bà; các cấp chính quyền từ xóm, tới xã về giải quyết và hòa giải nhiều lần nhưng chị G không nhất trí, mà vẫn tiếp tục đòi đi giữa đất nhà ông bà là con đường hiện tại ông đang đi.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn C có bản tự khai: Vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L là anh trai, chị dâu của ông. Khoảng cuối năm 2014, vợ chồng ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị G, anh T. Khi làm hợp đồng thì vợ chồng ông từ trong miền nam bay về Thái Nguyên, làm hợp đồng với ông Nguyễn Văn T2 (cha ruột của chị G), thực tế khi ký hợp đồng không có mặt chị G và anh T, trên hợp đồng ghi tên chị G, anh T. Sau đó thì ông với ông T2 đem hợp đồng ra Ủy ban nhân dân xã T, huyện P chứng thực. Trong hợp đồng không có ghi rõ diện tích hai bên thỏa thuận chuyển nhượng là bao nhiêu, chỉ ghi số thửa. Khi thỏa thuận hai bên không có thỏa thuận với nhau về con đường đi vào khu đất. Trên hợp đồng chỉ thỏa thuận với nhau về bán phần đất chứ không có thỏa thuận về đường đi. Đồng thời, phía ông T2 cũng không có trao đổi với ông về đường đi vào phần đất. Tuy nhiên, ông có trao đổi với ông Phan I “Em bán đất rồi, quyền của anh chị cho đi đâu thì người mua đi ở đó”. Khi đó ông P trả lời rằng “Để tao lấp cái ao rồi chừa đường đi cho người ta”. Trước khi chuyển nhượng đất thì gia đình ông đi nhờ qua đất của nhà ông P, ông P cho lối đi nào thì gia đình ông đi lối đó, chứ không có cố định. Ông và ông P không có thỏa thuận về việc đổi đất hay đổi con đường, mà sau khi chuyển nhượng đất ông có nói với ông P là ông để lại phần đất phía sau nhà của ông P có chiều ngang 3m, chiều dài hết đất nhà ông P. Việc trao đổi và chỉ ranh giới đất bán cũng như phần để lại cho ông Phan n trên thì có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T2, cùng ông Nguyễn Văn N1 là trưởng thôn. Khi ông làm hợp đồng chuyển nhượng có mặt của ông T2 và được UBND xã T, huyện P xác nhận, không có thể hiện con đường dân sinh nào cả. Còn việc Tòa án hỏi bản đồ thì ông không biết là bản đồ do cá nhân vẽ, hay bản đồ do nhà nước quản lý nên ông không thể trả lời câu hỏi này của Tòa án. Ông xác định là chỉ có đường xã hội (đường dân sinh) gần khu đất mà ông đã bán, muốn đi ra con đường này thì phải đi qua phần đất của nhà ông P. Nay giữa chị G và ông Phan tranh c lối đi thì ông chưa có yêu cầu gì, chỉ mong giữa hai bên hòa giải được với nhau. Còn nếu các bên không hòa giải được với nhau thì ông sẽ đề nghị xem xét lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và chị G. Do ông đang ở xa nên không thể thường xuyên đến Tòa án khi Tòa Đề nghị Tòa án án triệu tập. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại Tòa án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2022 thể hiện các lối đi trên bản đồ địa chính, con đường đi qua đất nhà ông P, cũng như con đường gia đình ông P để cho nhà chị G đi không còn nguyên hiện trạng, được xây dựng công trình phụ và trồng màu trên đất, con đường tranh chấp trên bản đồ F48 phía gia đình ông Phan x các công trình như: Chuồng lợn, nhà bếp lợp mái tôn xây dựng năm 2021.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú bình, tỉnh Thái Nguyên đã Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông P, bà L phải mở một lối đi cho gia đình chị G đi, cụ thể là lối đi được thể hiện tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 7 có diện tích 101,5m² (Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông P, bà L phải dỡ 01 đoạn tường rào, xây bằng gạch đỏ rộng 4m x cao 1,5m để mở lối cho gia đình chị G đi ra con đường của xóm.

2. Chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị G số tiền 14.000.000đ mà chị đã nộp cho Tòa án để tiến hành đo đất, thẩm định và định giá.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho chị G số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình theo biên lai thu 0001147 ngày 04/5/2020.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2023 chị Nguyễn Thị G không nhất trí với phần quyết định của cấp sơ thẩm buộc chị G phải đi lối bờ ao của nhà ông Đ nên kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại buộc ông Nguyễn Văn P phải trả lại lối đi cho chị G theo đúng như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị G giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị G bà Hoàng Thị H có ý kiến: Chị G và anh T có mua của đất của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị A thửa đất số 1471, 1471a, 500 có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, trong hợp đồng thể hiện rõ lối đi vào các thửa đất trên có đường dân sinh rõ ràng, sau khi gia đình chị G mua và sử dụng ổn định từ năm 2014, đến năm 2017 (không có lối đi nào khác), đến khi gia đình ông P không cho gia đình chị G đi nữa và mang gạch ra xây giữa đường và xếp gạch chặn đường không cho gia đình chị G đi qua. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị G, tuy nhiên buộc ông P, bà L mở một lối đi khác cho gia đình chị G đi là không đúng với bản đồ 299, và F48; bản đồ địa chính. Nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của chị G, buộc ông Phan p tháo

dỡ toàn bộ công trình phụ đã xây lấn sang lối đi để trả lại lối đi cho gia đình chị G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Nguyễn Thị G làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị G, Hội đồng xét xử thấy: Nguồn gốc thửa đất số 1471, 1471a, 500 tờ bản đồ số 06 do gia đình chị Nguyễn Thị G có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn C ngày 29/12/2014 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P chứng thực. Thửa đất của chị G nằm phía trong thửa đất số 606, tờ bản đồ số 6 của ông Nguyễn Văn P.

Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C và gia đình chị G ngày 29/12/2014 thể hiện có lối đi, lối đi này cũng được bản đồ địa chính số 06 xã T (F48) thể hiện có con đường đi chạy dọc theo phía tây của thửa đất nhà ông Nguyễn Văn P đến đất nhà bà Nguyễn Thị G; khi mua bán đất, ông C có nói với vợ chồng chị G là giữa ông C và anh trai là ông Nguyễn Văn P đã thỏa thuận với nhau về việc đổi lối đi theo bản đồ địa chính, gia đình ông Phan m lối đi khác để hai gia đình cùng đi chung, khi gia đình chị G chuyển về mảnh đất này ở, vẫn đi chung với gia đình ông P, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, ông P không cho gia đình chị G đi chung lối đi này nữa; Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành hòa giải và hướng hai bên gia đình tự thỏa thuận, gia đình ông Phan m cho gia đình bà G một lối đi, tuy nhiên, sau khi hòa giải các bên không thống nhất thực hiện được nội dung thỏa thuận, chị G không nhất trí nên đã khởi kiện ra tòa án yêu cầu ông P phải khôi phục trả lại lối đi theo bản đồ địa chính.

Tại công văn số 1694/UBND-TNMT ngày 26/10/2022 về việc phúc đáp văn bản của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình như sau: Theo bản đồ địa chính số 06 xã T (F) có con đường đi chạy dọc theo phía tây của thửa đất nhà ông Nguyễn Văn P đến đất nhà bà Nguyễn Thị G; vị trí, ranh giới của con đường đi được thể hiện trên bản đồ địa chính (F48) và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất vào khu đất ở của gia đình hộ ông Nguyễn Văn P; tại thời điểm hộ ông Nguyễn Văn P bắt đầu xây dựng công trình lên phần đất đang có tranh chấp lối đi với gia đình hộ bà Nguyễn Thị G thì không có bất kỳ sự phản ánh nào của nhân dân và hộ ông P cũng không xin phép Ủy ban nhân dân xã T; năm 2001 khi gia đình ông P xây dựng nhà ở chính và sửa chữa các công trình phụ (nằm trên phần đất đang tranh chấp lối đi với gia đình bà G) thì có đơn của nhân dân xóm H1 và Ủy ban nhân dân xã T đã tiến hành lập biên bản đề nghị tạm dừng xây dựng công trình phụ, nhưng hộ ông P không chấp hành ký biên bản (BL159);

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, cán bộ địa chính xã T cung cấp: Con đường đi được thể hiện trên bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 và bản đồ địa chính đo vẽ năm 1993 (bản đồ F48), là đường dân sinh, con đường này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ai, ông P không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này... Việc gia đình ông P xây dựng chuồng trại chăn nuôi là xây dựng trái phép, không xin phép theo đúng quy định (BL 66-67)

[3] Theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất và quá trình xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2022 cho thấy: Vị trí tranh chấp là con đường dân sinh được thể hiện trên bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 và bản đồ địa chính đo vẽ năm 1993 (bản đồ F48). Hiện tại các lối đi trên bản đồ địa chính, con đường đi qua đất nhà ông P, cũng như con đường gia đình ông P để cho nhà chị G đi không còn nguyên hiện trạng, được xây dựng công trình phụ và trồng màu trên đất như: Chuồng lợn có chiều dài 18m, chiều rộng 5,5m; nhà bếp lợp mái tôn xây dựng năm 2021 có chiều rộng 6,5m, chiều dài 21,6m. Diện tích của con đường đang tranh chấp giữa chị G và ông P thể hiện theo bản đồ địa chính năm 1993 như: Diện tích đường đi = 163,9m² (theo sơ đồ: 1,2,3,4,5,6,1), trong đó nằm vào nhà bếp 27,3m²; nằm vào nhà ngang 23,4m²; nằm vào chuồng trại 51,9m²; nằm vào nhà kho 7,4m²; nằm vào ô đất trống 4,2m²; 27,9m²; nằm vào thửa 603: 21,8m² (BL 106a, 109).

[4.] Như vậy có đủ cơ sở xác định con đường đi vào thửa đất nhà chị G anh T được thể hiện trên bản đồ 299 đo vẽ năm 1985 và bản đồ địa chính đo vẽ năm 1993 (bản đồ F48), là đường dân sinh, con đường này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P. Ông P tự ý xây dựng công trình phụ (chuồng lợn trên đường dân sinh là lối đi duy nhất vào nhà chị G và anh T không cho chị G sử dụng để làm lối đi vào đất của mình đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình chị G, nên cần buộc ông P, bà L phải tháo dỡ toàn bộ công trình phụ đã xây dựng trên đường đi nêu trên để trả lại nguyên hiện trạng đường đi theo bản đồ địa chính của xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu do các bên cung cấp có trong hồ sơ và căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ý kiến của cơ quan quản lý đất đai, từ đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G về việc buộc ông P, bà L phải mở một lối đi cho gia đình chị G đi, cụ thể là lối đi được thể hiện tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 7 có diện tích 101,5m² là không có căn cứ bởi lẽ: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án buộc gia

đình ông Nguyễn Văn P trả lại con đường đi dân sinh đã được Nhà nước công nhận, nay do gia đình ông P không chấp hành quy định pháp luật đã xây dựng công trình phụ trên con đường dân sinh dẫn đến chị G không có lối đi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc gia đình bị đơn phải mở lối đi khác cho gia đình bị đơn là giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị G 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hoàng Thị H có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 170; Điều 171 Luật đất đai; Điều 163, Điều 169, Điều 175; Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị G. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trên lối đi là đường dân sinh vào nhà chị G và anh T có diện tích 163,9m², theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại vị trí 1,2,3,4,5,6,1; (về kích thước các cạnh, chiều dài các cạnh đã được mô tả trong bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH H2 vẽ tháng 1 năm 2022) để trả lại đường dân sinh đi vào gia đình chị G và anh T sử dụng cụ thể như sau :

01 nhà bếp có diện tích 27,3m² theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại vị trí: 22,23,24,25,26,27,22; 01 chuồng trại có diện tích 51,9m² theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại vị trí 29,28,3,32,33,34,29; 01 nhà kho có diện tích 7,4m² theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại vị trí 5,35,36,37,5; 01 nhà ngang có diện tích là 23,4m² theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tại vị trí 26,27,28,29,30,31,26; (Có sơ đồ kèm theo)

3. Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu 0003101 ngày 30/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú, tỉnh Thái Nguyên.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Phú Bình;
- THADS Huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương